TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HS-PT
Ngày 25-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Ông Chu Long Kiếm

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 88/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Văn N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị A, sinh năm 1950; có vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989 và có 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09-10-2018, tạm giam từ ngày 12-10-2018 đến nay, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 01 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Bị cáo Phạm Thị Thu T, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1979. Nơi đăng ký thường trú: Đường P, khóm x, phường x, thành phố C, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị hại*

1. Chị Nguyễn Hồng Cẩm T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Đường Q, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Chị Cao Võ Ngọc H, sinh năm 2000. Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở: Đường T, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2014, Phạm Thị Thu T được giới thiệu từ Việt Nam sang Trung Quốc lấy chồng và sinh sống ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Sống một thời gian ở Trung Quốc, Phạm Thị Thu T biết được nhiều người đàn ông Trung Quốc muốn lấy vợ Việt Nam, nếu đưa một người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc lấy chồng thì được người đàn ông Trung Quốc trả cho 100.000.000 đồng tương đương với 30.000 NDT, trong đó 70.000.000 đồng được trả cho gia đình người phụ nữ Việt Nam, 30.000.000 đồng trả cho việc đi lại và tiền công của người môi giới. Qua mối quan hệ xã hội, Phạm Thị Thu T có quen Nguyễn Văn N, biết Nguyễn Văn N có thể đưa người từ Việt Nam qua Trung Quốc và Nguyễn Văn N biết Phạm Thị Thu T có thể giới thiệu phụ nữ Việt Nam gả chồng Trung Quốc để lấy một khoản tiền. Khoảng tháng 3-2018, Nguyễn Văn N gọi điện cho Phạm Thị Thu T thông báo có một người phụ nữ Việt Nam tên L muốn lấy chồng Trung Quốc để kiếm một khoản tiền, Phạm Thị Thu T đồng ý và bảo Nguyễn Văn N đưa đến xem mặt. Sau đó, Phạm Thị Thu T đã giới thiệu cho L lấy một người đàn ông Trung Quốc và người này đồng ý trả 30.000 NDT, đưa trước 15.000 NDT, còn 15.000 NDT hẹn sau 06 tháng sẽ trả. Số tiền đưa trước, Phạm Thị Thu T đã lấy 1.000 NDT và đưa cho Nguyễn Văn N 14.000 NDT, số tiền còn lại khi nào nhận được sẽ đưa tiếp cho Nguyễn Văn N 14.000 NDT, Phạm Thị Thu T hưởng lợi tiếp 1.000 NDT.

Khoảng cuối tháng 9-2018, Phạm Thị Thu T qua Nguyễn Văn N đã trở về Việt Nam với chi phí hết 900 NDT. Trong thời gian ở Việt Nam, Phạm Thị Thu T gặp bà Phạm Thị B (là bà nội của Cao Võ Ngọc H) và bà Phạm Thị Tuyết H (là mẹ đẻ của Nguyễn Hồng Cẩm T). Biết hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Phạm Thị Thu T đã đặt vấn đề với bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị Tuyết H đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T sang lấy chồng Trung Quốc sẽ có cuộc sống sung túc, hạnh phúc. Đồng thời, bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị Tuyết H sẽ có 70.000.000 đồng do nhà chồng bên Trung Quốc trả nên các bà đồng ý. Sau đó, Phạm Thị Thu T gặp Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T và rủ lên Thành phố Hồ Chí Minh chơi, cả hai đồng ý.

Ngày 04-10-2018, Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T lên Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nơi, Phạm Thị Thu T không ở lại thành phố chơi mà tiếp tục đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T lên sân bay T để ra Thành phố Hà Nội. Trên đường đi, Phạm Thị Thu T gọi điện cho Nguyễn Văn N nói là đang chuẩn bị từ Thành phố Hồ Chí Minh bay ra Thành phố Hà Nội, Phạm Thị Thu T muốn đến nhà Nguyễn Văn N chơi và nhờ Nguyễn Văn N gọi hộ taxi để đưa đến nhà, Nguyễn Văn N nhất trí. Tối cùng

ngày, sau khi bay ra Thành phố Hà Nội do đã muộn nên Phạm Thị Thu T đã bảo lái xe taxi mà Nguyễn Văn N gọi sẵn tìm giúp nhà nghỉ để Phạm Thị Thu T cùng Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T ngủ qua đêm tại Bắc Ninh và Phạm Thị Thu T có điện thoại báo cho Nguyễn Văn N về việc này.

Sáng ngày 05-10-2018, người lái xe taxi quay lại nhà nghỉ ở Bắc Ninh đón Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T để đưa đến nhà Nguyễn Văn N chơi. Trong quá trình di chuyển Phạm Thị Thu T và Nguyễn Văn N liên lạc điện thoại với nhau để Nguyễn Văn N đón Phạm Thị Thu T và mọi người. Nguyễn Văn N đi xe mô tô ra khu vực ngã tư V, huyện L, tỉnh Bắc Giang đón Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T. Sau đó, Nguyễn Văn N đưa mọi người về nhà của mình, rồi đưa mọi người đi ăn sáng và đưa Cao Võ Ngọc H đi ra quán nhuộm lại tóc. Trưa cùng ngày, Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T ăn cơm tại nhà của Nguyễn Văn N. Trong lúc ăn cơm, Phạm Thị Thu T có nói chuyện và nhờ Nguyễn Văn N đưa cả ba người sang Trung Quốc để Phạm Thị Thu T giới thiệu Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T lấy chồng Trung Quốc. Nguyễn Văn N đồng ý và nói chi phí mỗi người hết 900 NDT. Sau đó, Nguyễn Văn N gọi điện thoại bằng mạng WECHAT cho một người đàn ông Trung Quốc đổi trao đổi về việc Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T vượt biên sang tỉnh P, Trung Quốc. Qua trao đổi người này nói cho Nguyễn Văn N biết giá đưa ba người sang hết 2.100 NDT, người này dặn Nguyễn Văn N cứ đưa họ đến mốc 26, khu vực Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người này khác cho người đến đón để đưa sang. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong Nguyễn Văn N đưa Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T đi ra Quốc lộ 1A và Phạm Thị Thu T bắt xe khách từ Bắc Giang lên thành phố L. Để thuận lợi cho việc đi lại, ăn ở tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Phạm Thị Thu T có trao đổi với Nguyễn Văn N và được Nguyễn Văn N gọi điện cho Lê Tiến D (là lái xe khách chạy tuyến thị trấn N - thành phố L) để Lê Tiến D tìm phòng trọ giá rẻ cho Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T nghỉ. Khi đi đến thành phố L, Lê Tiến D đã liên hệ cho Phạm Thị Thu T thuê một phòng trọ ở ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tối cùng ngày, bà Phạm Thị Tuyết H gọi điện nói chuyện với Phạm Thị Thu T nói không đồng ý cho Nguyễn Hồng Cẩm T đi cùng và bảo Phạm Thị Thu T đưa Nguyễn Hồng Cẩm T quay về Cà Mau nhưng Phạm Thị Thu T nói trong sáng ngày mai bà Phạm Thị Tuyết H phải trả Phạm Thị Thu T số tiền 9.195.000 đồng (bao gồm tiền chi phí đi lại, tiền lấy lại giấy chứng nhân dân, tiền bà Phạm Thị Tuyết H đã vay) thì Phạm Thị Thu T mới đưa Nguyễn Hồng Cẩm T về Cà Mau.

Ngày 06-10-2018, Nguyễn Văn N cùng con gái lên thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để gặp Phạm Thị Thu T. Tại phòng trọ, Nguyễn Văn N nói chi phí đưa 03 người sang Trung Quốc hết 2.700 NDT, tương đương 9.100.000 đồng. Phạm Thị Thu T đồng ý và đưa trước cho Nguyễn Văn N 6.000.000 đồng tiền Việt Nam và 500 NDT, số còn lại Phạm Thị Thu T sẽ đưa sau khi sang đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, Nguyễn Văn N đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn N đổi tiền và gọi điện cho Lê Tiến D đến đón ba người vào Cửa khẩu C. Khoảng 10 phút sau, Lê Tiến D đến, tại đây Nguyễn Văn N đưa cho Lê Tiến D 2.100 NDT và bảo cầm số tiền này

vào Cửa khẩu C, khi nào có người điện và đến gặp thì Lê Tiến D đưa số tiền này cho họ. Lê Tiến D đồng ý và cùng mọi người đi ra khu vực ngã tư M ngồi uống nước. Tại đây, Phạm Thị Thu T bảo Nguyễn Hồng Cẩm T gọi điện thoại cho mẹ của mình để thông báo nếu mẹ của Nguyễn Hồng Cẩm T không gửi tiền ra cho Phạm Thị Thu T trước 10 giờ sáng nay thì Phạm Thị Thu T sẽ đưa Nguyễn Hồng Cẩm T sang Trung Quốc. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Văn N có trao đổi điện thoại với mẹ của Nguyễn Hồng Cẩm T, Nguyễn Văn N nói sẽ cho vay 10.000.000 đồng với điều kiện phải trả trong ngày, nếu để qua ngày hôm sau thì phải trả thêm 500.000 đồng/ngày. Do hoàn cảnh khó khăn nên mẹ của Nguyễn Hồng Cẩm T không đồng ý. Cùng thời điểm thấy Nguyễn Hồng Cẩm T và Phạm Thị Thu T có lời qua tiếng lại, Lê Tiến D đã lái xe bỏ đi để bắt thêm khách, trên đường đi Lê Tiến D gọi điện cho Nguyễn Văn N và báo là đang thấy công an theo dõi nên Lê Tiến D không đưa Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T đi nữa. Thấy Lê Tiến D nói vậy, Nguyễn Văn N bảo lại với Phạm Thị Thu T là mọi người đang bị công an theo dõi nên chưa đi được. Sau đó, Nguyễn Văn N cùng con gái đi chợ rồi về Bắc Giang; còn Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T quay về phòng trọ cũ nghỉ. Tối cùng ngày, do biết là đang bị theo dõi nên Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T chuyển địa điểm sang nhà nghỉ T ở phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nghỉ qua đêm và có báo cho Nguyễn Văn N biết vấn đề này.

Sáng ngày 07-10-2018, Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T bắt xe khách về Thành phố Hà Nội để xem xét tình hình rồi tính tiếp. Trên đường đi, đến khi vực xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị cơ quan chức năng phát hiện, đưa về trụ sở làm việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 11-6-2019, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thu T, Nguyễn Văn N phạm tội Mua bán người. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57, các Điều 17, 38, 50, 57, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu T 09 năm tù. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 150, khoản 3 Điều 57, các Điều 17, 38, 50, 57, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 năm tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Phạm Thị Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 13-7-2019, bị cáo Phạm Thị Thu T có đơn xin rút đơn kháng cáo và ngày 06-8-2019, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định định chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thu T.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Thu T nhất trí với nội dung của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi, bổ sung và trình bày rõ nội dung kháng cáo, cụ thể: Bị cáo kháng cáo về tội danh, bị cáo không biết việc bị

cáo Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T sang Trung Quốc để lấy chồng, bị cáo chỉ thu tiền để đưa mọi người sang tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc còn họ sang đó làm gì bị cáo không biết và không được bàn bạc. Hành vi của bị cáo chỉ phạm tội Đưa người vượt biên trái phép, bị cáo không phạm tội Mua bán người; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân nhưng qua lời khai của chính bị cáo tại giai đoạn điều tra ban đầu, lời khai của bị cáo Phạm Thị Thu T, các bị hại và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi phạm tội Mua bán người với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phạm Thị Thu T. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Văn N về tội Mua bán người là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan. Tại các phiên tòa, bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Xét thấy, mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm ấn định đối với bị cáo nằm trong khung hình phạt mà điều luật quy định nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các bị hại chị Nguyễn Hồng Cẩm T, chị Cao Võ Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N không thừa nhận phạm tội Mua bán người, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ phạm tội Đưa người vượt biên trái phép bởi: Bị cáo không được biết việc Phạm Thị Thu T đưa Cao Võ Ngọc H và Nguyễn Hồng Cẩm T sang Trung Quốc lấy chồng, bị cáo chỉ được nhận tiền công từ Phạm Thị Thu T để đưa ba người sang Trung Quốc. Việc mua bán người của Phạm Thị Thu T, bị cáo không được bàn bạc và không được hưởng lợi gì. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào kết quả điều tra, tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa xác định: Bị cáo Phạm Thị Thu T do sống lâu bên Trung Quốc nên biết được việc nếu đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc lấy chồng sẽ được trả 100.000.000 đồng/01 người; trừ chi phí đi lại, ăn ở sẽ được hưởng lợi khoảng 10.000.000 đồng/01 người. Khoảng tháng 9-2018, bị cáo Phạm Thị Thu T đã về Việt Nam tìm phụ nữ để đưa sang Trung Quốc, qua giới thiệu Phạm Thị Thu T biết Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T và đã đưa họ lên Thành phố Hồ Chí Minh rồi đưa ra Thành phố Hà Nội lên thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Phạm Thị Thu T đã móc nối với Nguyễn Văn N đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T sang Trung Quốc cho những người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ nhằm mục đích kiếm lời. Bị

cáo Nguyễn Văn N giai đoạn đầu của vụ án, bị cáo đã khẳng định bị cáo biết việc bị cáo Phạm Thị Thu T đang trên đường đưa các bị hại sang Trung Quốc để gả chồng cho người Trung Quốc lấy tiền, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội Mua bán người, nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận tội danh đã bị khởi tố. Qua các lời khai của bị cáo Phạm Thị Thu T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm cũng khai nhận trong lúc ăn cơm trưa tại nhà của Nguyễn Văn N, Phạm Thị Thu T có nói cho Nguyễn Văn N biết Phạm Thị Thu T đang trên đường đưa Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T sang Trung Quốc lấy chồng. Tại thời điểm đó, các bị hại Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T khẳng định cũng được chứng kiến việc các bị cáo nói với nhau về nội dung này. Bị cáo Nguyễn Văn N biết mà không ngăn cản, lại tiếp nhận ý chí của bị cáo Phạm Thị Thu T bằng việc gọi điện cho một người đàn ông người Trung Quốc (không rõ họ tên, địa chỉ) qua mạng Wechat để nhờ người này đưa sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch với chi phí 900 NDT/người. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn N còn liên hệ để nhờ người tìm chỗ nghỉ cho bị cáo Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chờ đi sang Trung Quốc. Bị cáo liên hệ xe đưa đón ba người vào Cửa khẩu C để sang Trung Quốc. Bị cáo Nguyễn Văn N thống nhất với bị cáo Phạm Thị Thu T sẽ thu tổng cộng 2.700 NDT và thực tế bị cáo đã thu 6.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 500 NDT, số tiền còn lại sẽ được bị cáo Phạm Thị Thu T trả nốt sau khi sang đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Bị cáo Nguyễn Văn N chỉ chuyển cho người đưa Phạm Thị Thu T, Cao Võ Ngọc H, Nguyễn Hồng Cẩm T số tiền 2.100 NDT. Như vậy, bị cáo hưởng lợi 600 NDT. Khi có thông tin bị Công an phát hiện, bị cáo Nguyễn Văn N cũng là người trực tiếp báo cho bị cáo Phạm Thị Thu T. Các bị cáo cũng liên lạc điện thoại, thống nhất thay đổi nơi ở để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn N với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Phạm Thị Thu T trong việc mua bán người sang Trung Quốc; bị cáo Nguyễn Văn N cho rằng bị cáo chỉ phạm tội Đưa người vượt biên trái phép là không có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Thu T và Nguyễn Văn N về tội Mua bán người theo điểm đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[4] Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Thu T thực hiện tội phạm với lỗi cố ý nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng khi quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của pháp luật về phạm tội chưa đạt cho các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng vai trò, mức độ tham gia

phạm tội của từng đồng phạm và nhân thân người phạm tội, cụ thể: Bị cáo Phạm Thị Thu T là người giữ vai trò chính, bị cáo Nguyễn Văn N có vai trò đồng phạm giúp sức (không phải vai trò chính). Bị cáo Phạm Thị Thu T là người có nhân thân không tốt (đã từng bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng đã được xóa án tích). Bị cáo Nguyễn Văn N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Bị cáo Nguyễn Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N cũng cần được xem xét ấn định lại cho phù hợp với nhân thân, vai trò, mức độ tham gia hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để giảm hình phạt tù cho bị cáo Nguyễn Văn N.

[6] Đề nghị về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Văn N của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm như đã phân tích, nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đề nghị giữ nguyên mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N về việc xin giảm hình phạt tù; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn N, cụ thể như sau:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Mua bán người.

2. Hình phạt: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 150, Điều 15, 17, khoản 3 Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 09-10-2018.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. C, tỉnh Lạng Sơn;
- CA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa